

Số 122 /TB-ĐHV

Nghệ An, ngày 14 tháng 8 năm 2017

THƯỜNG BẢO

Về việc xét tuyển (đợt 2) vào đại học hệ chính quy năm 2017
của Trường Đại học Vinh

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2016/TT-BGDĐT, ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Căn cứ Đề án số 02/ĐA-ĐHV, ngày 16/02/2017 của Trường Đại học Vinh; Căn cứ kết quả xét tuyển đợt 1 vào Đại học hệ chính quy năm 2017, Nhà trường thông báo xét tuyển đợt 2 vào học đại học hệ chính quy như sau:

1. Chỉ tiêu xét tuyển sinh theo từng ngành có danh sách điểm chuẩn và chỉ tiêu kèm theo

2. Hồ sơ xét tuyển đợt 2 gồm:

- Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017 (*bản gốc*);
- Bảng tờ nghiệp THPT (*bản sao có công chứng*);

- 02 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại liên hệ.

3. Lệ phí dự tuyển: 30.000đ/hồ sơ.

4. Thời gian nhận hồ sơ (đợt 2) đến 17h00', ngày 31/8/2017.

5. Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và lệ phí theo 2 cách:

- Cách 1: Qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh gửi về địa chỉ:
Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh (Số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An), điện thoại: 0238.385452, máy lẻ: 315.0238.8988989. Lưu ý: *Lệ phí không bỏ vào hồ sơ mà phải gửi riêng theo địa chỉ trên, ghi rõ nội dung nộp.*

- Cách 2: Nộp trực tiếp đăng ký xét tuyển và lệ phí tại Phòng Đào tạo, Trường

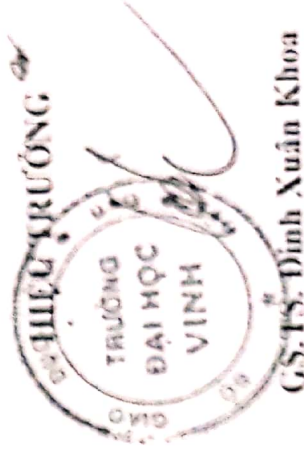
Đại học Vinh (Tầng 1, Nhà Điện hành).

Nhà trường trân trọng đề nghị các sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Giám hiệu các trường THPT thông báo rộng rãi để học sinh các trường biết và đăng ký xét tuyển.

Thông tin chi tiết tra cứu tại đề án tuyển sinh năm 2017 của Trường Đại học Vinh trên website: <http://vinhuni.edu.vn/> hoặc liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh (Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0238.385452, máy lẻ: 315; đường dây nóng tư vấn tuyển sinh: 0238.8988989). ~

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo,
- Các trường THPT;
- Ban Giám hiệu,
- Các đơn vị trong Trường,
- BBT website của VU,
- Lưu HC114, DT.



ĐIỂM NÁP HỒ SƠ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN ĐỢT 2
ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2017

Tổng chỉ tiêu theo nhóm ngành	Chi tiêu theo ngành	Ngưỡng xét tuyển theo ngành	Mã ngành	Tên ngành	Nhóm ngành
320	70	15.50	52340101	1. Quản trị kinh doanh	Nhóm 1: Khởi ngành kinh tế (Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.)
	40	15.50	52340201	2. Tài chính ngân hàng	
	30	15.50	52340201	3. Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	
	30	15.50	52340201	4. Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng thương mại)	
	70	15.50	52340301	5. Kế toán	
	50	15.50	52310101	6. Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	
	30	15.50	52620115	7. Kinh tế nông nghiệp	
	60	15.50	52510301	1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
	50	15.50	52520207	2. Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
	50	15.50	52520216	3. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
	60	15.50	52580208	4. Kỹ thuật xây dựng	
580	50	15.50	52580205	5. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Nhóm 2: Khởi ngành kỹ thuật, công nghệ (Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Hóa học, Sinh học; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Vật lý, Tiếng Anh)
	50	15.50	52580202	6. Kỹ thuật công trình thủy	
	50	15.50	52540101	7. Công nghệ thực phẩm	
	50	15.50	52510401	8. Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành Hóa dược)	
	60	15.50	52480201	9. Công nghệ thông tin	
	50	15.50	52510206	10. Công nghệ kỹ thuật nhiệt	
	50	15.50	52580301	11. Kinh tế xây dựng	

Nhóm 3:
Khối ngành Nông lâm ngư, Môi trường
 (Toán, Vật lý, Hóa học;
 Toán, Hóa học, Sinh học;
 Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)

Nhóm 4:
Khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn
 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;
 Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;
 Toán, Vật lý, Hóa học;
 Toán, Vật lý, Tiếng Anh)

Nhóm 5: Nhóm ngành sư phạm
a) Nhóm ngành Sư phạm tự nhiên
 (Toán, Vật lý, Hóa học;
 Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
 Toán, Hóa học, Sinh học)
b) Nhóm ngành Sư phạm xã hội
 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;
 Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;
 Toán, Vật lý, Hóa học)

1. Nông học	52620109	15.50	30
2. Nuôi trồng thủy sản	52620301	15.50	30
3. Khoa học môi trường	52440301	15.50	30
4. Quản lý tài nguyên và môi trường	52850101	15.50	30
5. Quản lý đất đai	52850103	15.50	30
6. Khuyến nông	52620102	15.50	30
7. Chăn nuôi	52620105	15.50	30
8. Công nghệ sinh học	52420201	15.50	30
1. Chính trị học	52310201	15.50	30
2. Chính trị học (chuyên ngành Chính sách công)	52310201	15.50	30
3. Quản lý văn hóa	52220342	15.50	30
4. Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	52220113	15.50	70
5. Quản lý giáo dục	52140114	15.50	30
6. Công tác xã hội	52760101	15.50	70
7. Bảo chi	52320101	15.50	60
8. Luật	52380101	15.50	120
9. Luật kinh tế	52380107	15.50	100
10. Quản lý nhà nước	52310205	15.50	30

1. Sư phạm Tin học	52140210	15.50	30
2. Sư phạm Vật lý	52140212	15.50	30
3. Sư phạm Hóa học	52140213	15.50	30
4. Sư phạm Sinh học.	52140218	15.50	30
1. Sư phạm Lịch sử	52140219	15.50	30
2. Sư phạm Địa lý	52140205	15.50	30
3. Giáo dục chính trị	52140208	15.50	30
4. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			

c) Các ngành tuyển sinh theo ngành
(Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)

1. Ngôn ngữ Anh

52220201

20.00
(điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2, Tổng điểm 3 môn và điểm ưu tiên phải đạt từ 15.50 điểm trở lên)

100

100

Ngày An, ngày 08 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

Trường Đại học Vinh cấp học bổng học kỳ đầu tiên cho Thí sinh đạt từ 21.00 điểm trở lên và cấp học bổng cho cả năm học cho những thí sinh đạt 24.00 điểm trở lên. Nhà trường trao giải thưởng cho thí sinh thủ khoa các ngành.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VINH UNIVERSITY

Nơi tạo dựng tương lai cho tuổi trẻ



GIỚI THIỆU CƠ CẤU TỔ CHỨC • TUYỂN SINH • ĐÀO TẠO • KH & HTQT • TẠP CHÍ KHOA HỌC • BA CÔNG KHAI • BỘ PHẬN MỘT CỬA • LIÊN HỆ

Thứ sáu, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Điện thoại: 0238.3855.452 - 0238.8988.989

Tuyển sinh > Đại học chính quy >

17:46 13/08/2018



Thông báo về việc xét tuyển (đợt 2) vào đại học hệ chính quy năm 2018 của Trường Đại học Vinh

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT, ngày 01/03/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung tên và một số điều Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ đề án số 247/ĐA-ĐHV ngày 15/03/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh; Căn cứ kết quả xét tuyển đợt 1 vào Đại học hệ chính quy năm 2018, Nhà trường thông báo xét tuyển đợt 2 vào học đại học hệ chính quy như sau:

1. Chỉ tiêu và điểm xét tuyển theo từng ngành: Xem file đính kèm
2. Hồ sơ xét tuyển đợt 2 gồm:
 - Phiếu đăng ký xét tuyển (Tải File đính kèm)
 - Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 (Bản gốc).

Khai giảng khóa đào tạo thứ 61, tuyển
đương sinh viên xuất sắc, sinh viên giỏi...

Cán bộ, sinh viên Trường Đại học Vinh dâng
hoa báo công tại Quảng trường Hồ Chí...

Khai giảng lớp tiếng Nhật mục tiêu N4 dành
cho sinh viên Trường Đại học Vinh

Tập đoàn Hoa Sen tuyển dụng sinh viên tốt
nghiệp Trường Đại học Vinh

Ấm áp, xúc động cựu sinh viên lớp C, khóa
10, khoa Toán về thăm trường

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển xã hội
Mai Xanh tuyển Thực tập sinh

Lịch thi IELTS quốc tế năm 2021 tại Trường
Đại học Vinh

VIDEO AUDIO

3.1. Thông tin ghi rõ địa chỉ người nhận (là địa chỉ của thí sinh), điện thoại liên hệ.

3.2. Phí dự tuyển: 30.000đ/hồ sơ.

3.3. Lệ phí dự tuyển: Từ ngày 13/8 đến 17h00', ngày 27/8/2018.

3.4. Thời gian nhận hồ sơ (đợt 2): Từ ngày 13/8 đến 17h00', ngày 27/8/2018.

3.5. Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và lệ phí theo 2 cách:

Cách 1: Qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh gửi về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh (Số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An), điện thoại: 0238.6988989. Lưu ý: *Lệ phí không bỏ vào hồ sơ mà phải gửi riêng theo địa chỉ trên, ghi rõ nội dung nộp.*

Cách 2: Nộp trực tiếp đăng ký xét tuyển và lệ phí tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh (Tầng 1, Nhà Điều hành, Trường Đại học Vinh).

Thông tin chi tiết tra cứu tại đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường Đại học Vinh trên website: <http://vinhuni.edu.vn/> hoặc liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh (Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: *đường dây nóng tư vấn tuyển sinh*: 0238.6988989)/.

TIN TỨC LIÊN QUAN

- > Thông báo Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2020 - (17.47 26/10/2020)
- > Thông báo xét tuyển bổ sung (Đợt 2) vào đại học hệ chính quy năm 2020 bằng điểm thi tốt nghiệp THPT - (18.05 15/10/2020)
- > Lịch nhập học và hướng dẫn nhập học cho sinh viên chính quy khoá 61 nhập học năm 2020 - (15.32 02/10/2020)
- > Thông báo tra cứu danh sách trúng tuyển đại học chính quy năm 2020 - (17.21 08/10/2020)
- > Thông báo đăng ký xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2020 bằng kết quả học tập THPT (Đợt 2) - (17.14 05/10/2020)
- > Thông báo Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2020 - (08.56 05/10/2020)



CHƯƠNG TRÌNH
ETEP



XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾP CẬN CDIO



Đề án Ngoại ngữ
Quốc gia

TẠP CHÍ

KHOA HỌC
JOURNAL OF SCIENCE

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy
Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT, ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-ĐHV, ngày 26/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017;

Căn cứ Thông báo số 115/TB-ĐHV, ngày 31/7/2017 của Trường Đại học Vinh về việc thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV, ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 4.653 thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2017 theo các mã ngành đã đăng ký (có danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Mã ngành	Tên ngành đăng ký	Điểm chuẩn	Số lượng
1.	52340101	Quản trị kinh doanh	15.5	220
2.	52340201	Tài chính ngân hàng	15.5	85
3.	52340301	Kế toán	15.5	601
4.	52310101	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	15.5	47
5.	52620115	Kinh tế nông nghiệp	15.5	7
6.	52340201_1	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	15.5	4
7.	52340201_2	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng thương mại)	15.5	1
8.	52510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	15.5	113
9.	52520207	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	15.5	10
10.	52520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15.5	62
11.	52580208	Kỹ thuật xây dựng	15.5	85
12.	52580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	15.5	19

52510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành hóa dược)	15.5	1
52480201	Công nghệ thông tin	15.5	264
52620100	Nông học	15.5	5
52620301	Nuôi trồng thủy sản	15.5	15
52440301	Khoa học môi trường	15.5	7
52850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	15.5	9
52850103	Quản lý Đất đai	15.5	4
52620102	Khuyến nông	15.5	3
52620105	Chăn nuôi	15.5	12
52420201	Công nghệ sinh học	15.5	4
52310201	Chính trị học	15.5	19
52220342	Quản lý văn hóa	15.5	31
52220113	Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	15.5	305
52140114	Quản lý giáo dục	15.5	45
52760101	Công tác xã hội	15.5	122
52320101	Báo chí	15.5	136
52380101	Luật	15.5	569
52380107	Luật kinh tế	15.5	433
52310201_1	Chính trị học (chuyên ngành Chính sách)	15.5	1
52310205	Quản lý nhà nước	15.5	0
52140209	Sư phạm Toán học	15.5	135
52140210	Sư phạm Tin học	15.5	2
52140211	Sư phạm Vật lý	15.5	12
52140212	Sư phạm Hóa học	15.5	19
52140213	Sư phạm Sinh học	15.5	7
52140217	Sư phạm Ngữ văn	15.5	122
52140218	Sư phạm Lịch sử	15.5	35
52140219	Sư phạm Địa lý	15.5	67
52140205	Giáo dục chính trị	15.5	20
52140202	Giáo dục Tiểu học	22.0	191
52140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	15.5	51
52140201	Giáo dục Mầm non	27.0	196
52140206	Giáo dục Thể chất	20.0	15
52140231	Sư phạm tiếng Anh	24.0	151
52220201	Ngôn ngữ Anh	20.0	289
		Cộng:	4.653

Điều 2. Các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính; các khoa viện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm đón tiếp, làm thủ tục nhập học cho thí sinh đã trúng tuyển.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Trường các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính
hợp; các khoa, viện; các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu
nhiệm thi hành Quyết định này./.

hận:
Điều 3;
Giám hiệu;
HCTH, ĐT

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VINH

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy
đợt 1 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT, ngày 01/03/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung tên và một số điều Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-ĐHV, ngày 16/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018;

Căn cứ Thông báo số 136/TB-ĐHV, ngày 06/8/2018 của Trường Đại học Vinh về việc thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV, ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 3925 thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2018 theo các mã ngành đã đăng ký xét tuyển năm 2018 (có danh sách kèm theo).

Đó:

Mã ngành	Tên ngành đăng ký	Điểm chuẩn	Số lượng	Ghi chú
7340301	Kế toán	14.0	624	
7340201	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp; chuyên ngành Ngân hàng thương mại)	14.0	93	
7340101	Quản trị kinh doanh	14.0	254	
7310101	Kinh tế	14.0	82	
7620115	Kinh tế nông nghiệp	14.0	7	
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	14.0	68	
7710207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	14.0	7	
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	14.0	65	

11.	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	18.0	0
12.	7540101	Công nghệ thực phẩm	14.0	79
13.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành Hóa dược - Mỹ phẩm)	14.0	3
14.	7480201	Công nghệ thông tin	14.0	254
15.	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (chuyên ngành nhiệt điện lạnh)	14.0	9
16.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	14.0	88
17.	7580301	Kinh tế xây dựng	14.0	7
18.	7620109	Nông học	13.5	6
19.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	13.5	15
20.	7440301	Khoa học môi trường	13.5	2
21.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	13.5	10
22.	7850103	Quản lý đất đai	13.5	7
23.	7620102	Khuyến nông	13.5	1
24.	7620105	Chăn nuôi	13.5	9
25.	7420201	Công nghệ sinh học	14.0	14
26.	7310201	Chính trị học	18.0	6
27.	7310201	Chính trị học (chuyên ngành Chính sách công)	18.0	0
28.	7229042	Quản lý văn hóa	14.0	19
29.	7310630	Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	14.0	278
30.	7140114	Quản lý giáo dục	14.0	25
31.	7760101	Công tác xã hội	14.0	60
32.	7320101	Báo chí	14.0	98
33.	7380101	Luật	14.0	337
34.	7380107	Luật kinh tế	14.0	229
35.	7310205	Quản lý nhà nước	14.0	36
36.	7140209	Sư phạm Toán học	19.0	28
37.	7140210	Sư phạm Tin học	20.0	0
38.	7140211	Sư phạm Vật lý	20.0	0
39.	7140212	Sư phạm Hóa học	17.0	11
40.	7140213	Sư phạm Sinh học	20.0	0
41.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	17.0	65
42.	7140218	Sư phạm Lịch sử	17.0	10
43.	7140219	Sư phạm Địa lý	17.0	25
44.	7140205	Giáo dục chính trị	20.0	0
45.	7140202	Giáo dục Tiểu học	18.0	258
46.	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	17.0	32
47.	7140201	Giáo dục Mầm non	25.0	225
48.	7140206	Giáo dục Thể chất		

7140231	Sư phạm Tiếng Anh	24.5	57	
7220201	Ngôn ngữ Anh	18.0	301	
7720301	Điều dưỡng	14.0	50	
Tổng			3925	

Điều 2. Các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính; các khoa, và các đơn vị liên quan có trách nhiệm đón tiếp, làm thủ tục nhập học cho thí sinh đăng tuyển.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính hợp; các khoa, viện; các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu nhiệm thi hành Quyết định này./.

hạ:

Điều 3;

Giám hiệu;

HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VINH

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

Số: 2155/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 09 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

việc công nhận thí sinh trúng tuyển Nguyên vọng 1 đại học hệ chính quy
Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT, ngày 28/02/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; Quy chế sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 và Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-ĐHV, ngày 10/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 4.357 thí sinh xét điểm thi THPT Quốc gia trúng tuyển vào đại học hệ chính quy Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2019 theo các mã ngành đã đăng ký (có danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Mã ngành	Tên ngành đăng ký	Điểm chuẩn	Số lượng
1.	7140114	Quản lý giáo dục	14.0	44
2.	7140201	Giáo dục Mầm non	24.0	181
3.	7140202	Giáo dục Tiểu học	21.0	355
4.	7140205	Giáo dục chính trị	18.0	5
5.	7140206	Giáo dục Thể chất	26.0	8
6.	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	18.0	36
7.	7140209	Sư phạm Toán học	18.0	85
8.	7140210	Sư phạm Tin học	18.0	0
9.	7140211	Sư phạm Vật lý	18.0	3
10.	7140212	Sư phạm Hóa học	18.0	13
11.	7140213	Sư phạm Sinh học	18.0	3
12.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	18.0	80
13.	7140218	Sư phạm Lịch sử	18.0	17
14.	7140219	Sư phạm Địa lý	18.0	40

15.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	24.0	122
16.	7140247	Sư phạm khoa học Tự nhiên	23.0	0
17.	7220201	Ngôn ngữ Anh	18.0	332
18.	7229042	Quản lý văn hóa	14.0	17
19.	7310101	Kinh tế	15.0	112
20.	7310201	Chính trị học	14.0	11
21.	7310201_1	Chính trị học	14.0	2
22.	7310205	Quản lý nhà nước	14.0	41
23.	7310630	Việt Nam học	14.0	278
24.	7320101	Báo chí	14.0	155
25.	7340101	Quản trị kinh doanh	15.0	313
26.	7340101_1	Quản trị kinh doanh	15.0	33
27.	7340201	Tài chính ngân hàng	15.0	92
28.	7340301	Kế toán	15.0	625
29.	7380101	Luật	15.0	272
30.	7380107	Luật kinh tế	15.0	203
31.	7420201	Công nghệ sinh học	14.0	13
32.	7440301	Khoa học môi trường	14.0	6
33.	7480201	Công nghệ thông tin	14.0	334
34.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	14.0	166
35.	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	14.0	11
36.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	14.0	58
37.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	14.0	1
38.	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	14.0	10
39.	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	14.0	52
40.	7540101	Công nghệ thực phẩm	14.0	30
41.	7580201	Kỹ thuật xây dựng	14.0	47
42.	7580201_1	Kỹ thuật xây dựng	14.0	15
43.	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	14.0	0
44.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	14.0	8
45.	7580301	Kinh tế xây dựng	14.0	10
46.	7620102	Khuyến nông	14.0	0
47.	7620105	Chăn nuôi	14.0	6
48.	7620109	Nông học	14.0	5
49.	7620109_1	Nông học	14.0	1
50.	7620115	Kinh tế nông nghiệp	15.0	3
51.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	14.0	15
52.	7720301	Điều dưỡng	18.0	18
53.	7760101	Công tác xã hội	14.0	50
54.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	14.0	11
55.	7850103	Quản lý đất đai	14.0	9
Cộng:				4357

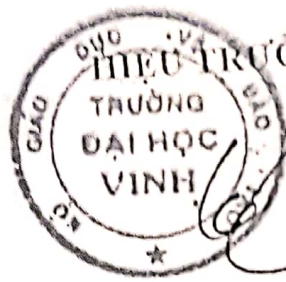
Tổng
trách

Nơi
- Kh
- Ba
- Lư

Điều 2. Các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính; các khoa, viện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm đón tiếp, làm thủ tục nhập học cho thí sinh đã trúng tuyển.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.
Trưởng các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính
ợp; các khoa, viện; các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu
hiệm thi hành Quyết định này./.

ận:
iều 3;
iám hiệu;
ICTH, ĐT.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa